BỘ CÔNG AN

BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 63/2010/TT-BCA-V24	*Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2010*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn quản lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998; các Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2004, năm 2005;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Bộ Công an hướng dẫn việc quản lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Công an nhân dân như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh, tố giác tội phạm (sau đây gọi chung là đơn) và quản lý công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Công an nhân dân (CAND).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo trong CAND và áp dụng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của CAND.

Chương II
TIẾP NHẬN, PHÂN LOẠI VÀ XỬ LÝ ĐƠN

Điều 3. Tiếp nhận đơn

1. Đơn được tiếp nhận từ các nguồn sau:

a) Đơn do cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp gửi đến cơ quan Công an;

b) Đơn do Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên của mặt trận, cơ quan báo chí và các cơ quan khác chuyển đến;

c) Đơn gửi qua dịch vụ bưu chính và các nguồn khác.

2. Cơ quan Công an sau khi tiếp nhận đơn từ các nguồn trên phải vào sổ hoặc nhập vào hệ thống cơ sở dữ liệu trên máy tính để quản lý, theo dõi; phải đóng dấu và ghi rõ ngày nhận đơn. Cán bộ xử lý hoặc người có thẩm quyền giải quyết có trách nhiệm bảo quản, không để rách nát, thất lạc, không viết hoặc làm thay đổi hình thức và nội dung đơn.

Điều 4. Phân loại đơn

Đơn được phân thành bốn loại cụ thể như sau:

1. Đơn khiếu nại

Đơn khiếu nại gồm bốn loại:

a) Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan, cán bộ, chiến sỹ Công an: là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức, theo thủ tục do pháp luật khiếu nại, tố cáo quy định đề nghị cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong CAND xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

b) Khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, chiến sỹ Công an: là việc cán bộ, chiến sỹ Công an theo thủ tục do pháp luật khiếu nại, tố cáo quy định đề nghị Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền trong CAND xem xét lại quyết định kỷ luật khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

c) Khiếu nại quyết định về chế độ chính sách, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, tuyển sinh, tuyển dụng, thi đua, khen thưởng… (gọi chung là đơn khiếu nại về chế độ chính sách) của cán bộ chiến sỹ Công an: là việc cán bộ chiến sỹ Công an theo thủ tục do pháp luật khiếu nại, tố cáo quy định đề nghị Thủ trưởng cơ quan Công an

có thẩm quyền xem xét lại quyết định về chế độ chính sách khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật, trái quy định của Ngành xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

d) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng hình sự của cơ quan, cán bộ Công an có thẩm quyền tiến hành tố tụng: là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo thủ tục quy định tại Chương XXXV của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị cơ quan, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, cán bộ Công an có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Quyết định, hành vi tố tụng trong mục này được hiểu như sau:

- Quyết định tố tụng hình sự là văn bản do Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, cán bộ Công an có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

- Hành vi tố tụng là hành vi của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, cán bộ Công an có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

2. Đơn tố cáo

Đơn tố cáo gồm hai loại:

a) Tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự: là việc công dân theo thủ tục do pháp luật khiếu nại, tố cáo quy định, báo cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật, phẩm chất đạo đức, quy tắc ứng xử, tiêu chuẩn chính trị của bất cứ cán bộ, chiến sỹ Công an nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức;

b) Tố cáo thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự: là việc công dân báo cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự (Quy định tại Chương XXXV Bộ luật Tố tụng hình sự) của cán bộ Công an có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự, có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra mà họ cho rằng hành vi đó gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

3. Đơn kiến nghị, phản ánh gồm ba loại:

a) Kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự: là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức kiến nghị, phản ánh về những nội dung liên quan đến vụ việc khiếu nại, tố cáo do cơ quan Công an đã hoặc đang giải quyết;

b) Kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự: là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức kiến nghị, phản ánh về những nội dung liên quan đến khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tố tụng hình sự do cơ quan điều tra trong CAND đã hoặc đang giải quyết;

c) Kiến nghị, phản ánh không liên quan đến khiếu nại, tố cáo: là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức đề nghị cơ quan Công an giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý Nhà nước của Bộ công an.

4. Đơn tố giác tội phạm

Là việc công dân báo cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm, hành vi phạm tội và thông tin khác về tội phạm của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào.

Điều 5. Xử lý đơn thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan Công an

1. Xử lý đơn khiếu nại

1.1. Xử lý đơn khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính:

a) Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan Công an nếu đủ điều kiện thụ lý theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo (viết tắt là Nghị định số 136/2006/NĐ-CP) thì cán bộ xử lý đề xuất Thủ trưởng cơ quan thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng Công an cấp mình nhưng thuộc trách nhiệm giải quyết của lực lượng Công an thì cán bộ xử lý căn cứ thẩm quyền quy định tại Điều 7 Thông tư này để đề xuất chuyển đơn đến Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền xem xét giải quyết. Khi chuyển đơn, cơ quan chuyển đơn phải thông báo bằng văn bản cho người có đơn; đồng thời thông báo việc chuyển đơn cho cơ quan hoặc tổ chức Thanh tra Công an cùng cấp với cơ quan có thẩm quyền giải quyết biết để giúp Thủ trưởng cùng cấp theo dõi, quản lý kết quả giải quyết (kể cả đơn khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự);

c) Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan Công an nhưng không đủ điều kiện thụ lý theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 136/2006/NĐ-CP thì người xử lý đề xuất Thủ trưởng có văn bản trả lời cho người khiếu nại biết rõ lý do không được thụ lý;

d) Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng Công an cấp dưới nhưng quá thời hạn theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo mà chưa được giải quyết thì

cán bộ xử lý đề xuất Thủ trưởng Công an cấp trên ra văn bản yêu cầu cấp dưới giải quyết vụ việc khiếu nại đó.

1.2. Xử lý đơn khiếu nại quyết định kỷ luật

Đơn khiếu nại quyết định kỷ luật của cán bộ, chiến sỹ Công an, khi xử lý cần căn cứ vào thẩm quyền quy định tại Điều 15 của Thông tư này để chuyển đến Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền xem xét giải quyết.

1.3. Xử lý đơn khiếu nại về chế độ chính sách

Đơn khiếu nại chế độ chính sách của cán bộ, chiến sỹ Công an thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng Công an cấp nào thì chuyển đến Cơ quan xây dựng lực lượng cấp đó để đề xuất xử lý, giải quyết theo thẩm quyền.

1.4. Xử lý đơn khiếu nại quyết định tố tụng, hành vi tố tụng hình sự của cơ quan, cán bộ Công an:

a) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng không liên quan đến việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam của cơ quan, cán bộ Công an khi tiến hành tố tụng hình sự thuộc các trường hợp sau đây thì chuyển đến Thủ trưởng Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết trong CAND:

- Khiếu nại quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên Cơ quan điều tra cùng cấp mà không có sự phê chuẩn của Viện Kiểm sát;

- Khiếu nại bản kết luận điều tra của Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra cùng cấp còn trong thời hạn điều tra (kể cả điều tra bổ sung, điều tra lại).

b) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan Công an, cán bộ Công an khi tiến hành tố tụng hình sự thuộc các trường hợp cụ thể sau đây thì chuyển đến Viện Kiểm sát cùng cấp với cơ quan Công an bị khiếu nại hoặc cùng cấp với cơ quan có cán bộ bị khiếu nại:

- Khiếu nại liên quan đến việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam (theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003);

- Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thủ trưởng Cơ quan điều tra trong CAND (theo quy định tại Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003);

- Khiếu nại quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra trong CAND mà Viện Kiểm sát đã phê chuẩn (theo quy định tại Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003);

- Khiếu nại bản kết luận điều tra của Thủ trưởng Cơ quan điều tra;

- Khiếu nại việc Thủ trưởng Cơ quan điều tra trong CAND đã giải quyết lần đầu đối với quyết định, hành vi tố tụng (theo quy định tại Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003) và bản kết luận điều tra của Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra cùng cấp đã giải quyết;

- Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cán bộ Công an có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra thì chuyển đến Viện Kiểm sát có thẩm quyền truy tố đối với người phạm tội mà người bị khiếu nại đã tiến hành một số hoạt động điều tra (theo quy định tại Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003).

2. Xử lý đơn tố cáo

2.1. Xử lý đơn tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự:

a) Đơn tố cáo ghi rõ họ, tên, địa chỉ và có chữ ký trực tiếp của người viết đơn (sau đây gọi là đơn có danh) thì chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết quy định tại Điều 18 của Thông tư này;

b) Trong trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn mà tố cáo không được giải quyết thì chuyển đến Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người giải quyết tố cáo để giải quyết theo quy định tại Điều 69 Luật Khiếu nại, tố cáo;

c) Trường hợp người tố cáo có bằng chứng mới chứng minh việc giải quyết không đúng pháp luật thì chuyển đến Thủ trưởng cơ quan Thanh tra cùng cấp của Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người giải quyết tố cáo để giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Khiếu nại, tố cáo;

d) Đơn tố cáo không có họ, tên, địa chỉ hoặc họ, tên, địa chỉ không rõ ràng; không có chữ ký trực tiếp mà sao chụp chữ ký (sau đây gọi là đơn nặc danh) hoặc những tố cáo đã được cấp có thẩm quyền giải quyết nay tố cáo lại nhưng không có bằng chứng mới thì không giải quyết, cơ quan nhận được loại đơn này thì lưu đơn.

2.2. Xử lý đơn tố cáo thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự:

a) Đơn tố cáo không liên quan đến biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc những trường hợp cụ thể sau đây thì chuyển đến Thủ trưởng cơ quan điều tra cùng cấp của người bị tố cáo (theo quy định tại Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003):

- Tố cáo Phó thủ trưởng cơ quan điều tra;

- Tố cáo Điều tra viên cơ quan điều tra.

b) Tố cáo Thủ trưởng cơ quan điều tra; Phó thủ trưởng và Điều tra viên cơ quan điều tra đã được Thủ trưởng cơ quan điều tra giải quyết nhưng người tố cáo không

đồng ý mà có bằng chứng mới thì chuyển đến Thủ trưởng cơ quan điều tra cấp trên trực tiếp;

c) Tố cáo thuộc những trường hợp cụ thể sau đây thì chuyển ngay đến Viện Kiểm sát cùng cấp với cơ quan bị tố cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 337 và Điều 339 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003:

- Tố cáo liên quan đến hành vi bắt, tạm giữ, tạm giam của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng và Điều tra viên cơ quan điều tra;

- Tố cáo hành vi tố tụng của cán bộ Công an có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra thì chuyển đến Viện Kiểm sát có thẩm quyền truy tố đối với người phạm tội mà người bị tố cáo đã tiến hành một số hoạt động điều tra;

d) Đơn tố cáo nặc danh hoặc tố cáo đã được cơ quan, cá nhân có thẩm quyền của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân giải quyết mà người tố cáo không đưa ra được bằng chứng mới thì không giải quyết, cơ quan nhận được đơn lưu đơn;

Đơn khiếu nại, tố cáo cán bộ, cơ quan Công an trong hoạt động tố tụng hình sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện Kiểm sát, sau khi chuyển đơn phải được Thủ trưởng cơ quan điều tra Công an các cấp đề nghị Viện Kiểm sát thông báo kết quả giải quyết.

3. Xử lý đơn kiến nghị, phản ánh

a) Đơn kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự do cơ quan Công an nào đã giải quyết hoặc đang giải quyết thì cơ quan đó có trách nhiệm xem xét giải quyết (nếu nội dung kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại thì giải quyết theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại; liên quan đến tố cáo thì giải quyết theo trình tự, thủ tục tố cáo);

b) Đơn kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự do cơ quan điều tra nào đã giải quyết hoặc đang giải quyết thì chuyển đến cơ quan điều tra đó xem xét giải quyết;

c) Đơn kiến nghị, phản ánh không liên quan đến khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Công an nào thì chuyển đến cơ quan đó xem xét giải quyết; nếu đã đồng gửi đến cơ quan có thẩm quyền thì lưu đơn.

4. Xử lý đơn tố giác tội phạm

Đơn tố cáo hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm, tố cáo hành vi phạm tội, tố giác tội phạm thì chuyển ngay đến cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (không phân biệt đơn có danh hay nặc danh).

Điều 6. Xử lý đơn không thuộc thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết của cơ quan Công an

1. Đơn khiếu nại; đơn kiến nghị, phản ánh không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của cơ quan Công an thì cơ quan nhận đơn có văn bản hướng dẫn người có đơn gửi đến cơ quan, cá nhân có thẩm quyền để được giải quyết; nếu người khiếu nại gửi kèm các giấy tờ, tài liệu là bản gốc liên quan đến vụ việc khiếu nại thì cơ quan nhận đơn trả lại các giấy tờ tài liệu đó cho người khiếu nại cùng văn bản hướng dẫn (chỉ hướng dẫn một lần).

2. Đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết của cơ quan Công an nhưng do Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận hoặc các cơ quan báo chí, cơ quan khác chuyển đến thì gửi trả lại cơ quan chuyển đơn và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do trả lại đơn cho cơ quan đó biết.

Trường hợp nhận được đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của Công an mà đơn đó đã đồng gửi đến cơ quan, cá nhân có thẩm quyền; đơn trùng nội dung đã chuyển đến cơ quan, cá nhân có thẩm quyền hoặc đã được hướng dẫn thì lưu đơn.

3. Đơn có danh tố cáo hành vi vi phạm pháp luật nhưng không có dấu hiệu tội phạm của cán bộ, công chức ngoài CAND; đơn tố cáo thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự đối với cán bộ, công chức thuộc các cơ quan tiến hành tố tụng ngoài CAND thì chuyển đến Thủ trưởng trực tiếp của cán bộ, công chức đó và thông báo cho người tố cáo biết (nếu họ có yêu cầu).

Chương III
KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Mục 1
KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH, HÀNH VI HÀNH CHÍNH

Điều 7. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại

1. Trưởng đồn Công an, Trưởng Công an phường, Trưởng Công an thị trấn trong biên chế CAND (gọi tắt là Trưởng Công an cấp phường) giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình và của cán bộ, chiến sỹ thuộc quyền quản lý trực tiếp.

2. Trưởng Công an cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi tắt là Trưởng Công an cấp huyện) giải quyết:

a) Khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình và của cán bộ, chiến sỹ thuộc quyền quản lý trực tiếp, trừ khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết quy định tại khoản 1, Điều này;

b) Khiếu nại mà Trưởng Công an cấp phường đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại.

3. Trưởng phòng và Thủ trưởng đơn vị cấp tương đương thuộc Công an cấp tỉnh; Giám thị trại giam; Hiệu trưởng trường giáo dưỡng; Giám đốc cơ sở giáo dục giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình và của cán bộ, chiến sỹ thuộc quyền quản lý trực tiếp.

4. Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Tổng cục hoặc trực thuộc Bộ trưởng, Tổng cục trưởng, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Giám đốc Công an cấp tỉnh) và tương đương giải quyết:

a) Khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình;

b) Khiếu nại mà Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại.

5. Bộ trưởng giải quyết:

a) Khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình và của cán bộ không giữ chức vụ (nếu có) thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình;

b) Khiếu nại mà Tổng cục trưởng, Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ trưởng; Giám đốc Công an cấp tỉnh và tương đương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại;

c) Khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà nội dung khiếu nại thuộc quyền quản lý Nhà nước của Bộ Công an.

Điều 8. Thủ tục khiếu nại

Việc khiếu nại phải thực hiện bằng đơn, nếu người khiếu nại trực tiếp trình bày thì cơ quan tiếp nhận phải yêu cầu viết thành đơn. Đối với khiếu nại quyết định hành chính hoặc khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại thì kèm theo đơn phải có các bản sao quyết định bị khiếu nại. Trường hợp khiếu nại thông qua người đại diện hoặc Luật sư thì phải nêu rõ lý do trong đơn và thực hiện đúng quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 9. Thời hiệu khiếu nại

Thời hiệu khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại, tố cáo.

Điều 10. Thời hiệu khiếu nại và quyền khiếu nại tiếp theo, quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án

1. Người khiếu nại có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc đã hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại không được giải quyết.

2. Người khiếu nại có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án khi không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu, lần hai) hoặc đã hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại không được giải quyết (trừ những khiếu nại có nội dung thuộc các vấn đề về tiêu chuẩn chính trị, danh mục bí mật Nhà nước hoặc quy định khác của Bộ Công an).

3. Thời hiệu khiếu nại tiếp theo, thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là 30 ngày kể từ khi nhận được quyết định giải quyết khiếu nại hoặc kể từ khi hết thời hạn giải quyết khiếu nại mà khiếu nại không được giải quyết; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hiệu nói trên có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 45 ngày.

Điều 11. Thực hiện việc khiếu nại thông qua người đại diện

Thực hiện việc khiếu nại thông qua người đại diện theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 17 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2005; tại điểm b, c, khoản 1 và các khoản 2, 3, Điều 1 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP .

Điều 12. Thời hạn giải quyết khiếu nại

1. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Đối với vùng sâu, vùng xa, điều kiện đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết không quá 60 ngày.

2. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết không quá 60 ngày. Đối với vùng sâu, vùng xa, điều kiện đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết không quá 70 ngày.

Điều 13. Thụ lý đơn khiếu nại

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 32 của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2005 thì Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền phải ra văn bản thụ lý vụ việc khiếu nại và phải thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, người bị khiếu nại và cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển đơn biết; nếu không đủ điều kiện thụ lý thì xử lý theo quy định tại tiết c điểm 1.1 khoản 1 Điều 5 của Thông tư này.

2. Việc xác minh, kết luận nội dung khiếu nại thực hiện theo quy định về thủ tục giải quyết khiếu nại của Luật Khiếu nại, tố cáo và Quy trình giải quyết khiếu nại ban hành kèm theo Quyết định số 1371/2007/QĐ-BCA(V24) ngày 07/11/2007 của Bộ Công an. Trong quá trình giải quyết khiếu nại phải tổ chức đối thoại theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP; Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phải ra quyết định giải quyết khiếu nại và công khai quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP; không được dùng công văn, thông báo hay bất cứ hình thức khác để trả lời thay cho quyết định giải quyết khiếu nại.

3. Việc giải quyết khiếu nại về chế độ chính sách thực hiện theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại quyết định hành chính.

Mục 2
KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH KỶ LUẬT CỦA CÁN BỘ CHIẾN SỸ CÔNG AN

Điều 14 . Quyền khiếu nại

1. Sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ phục vụ có thời hạn; học viên các Học viện, Trường CAND (gọi tắt là học viên) có quyền khiếu nại quyết định kỷ luật theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, Điều 15 của Thông tư này.

2. Công nhân viên Công an trong biên chế hưởng lương từ ngân sách Nhà nước và người lao động hợp đồng trong CAND có quyền khiếu nại quyết định kỷ luật theo quy định về khiếu nại, giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức được quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2005 và Nghị định số 136/2006/NĐ-CP.

3. Sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ phục vụ có thời hạn và học viên nêu tại khoản 1 Điều này có quyền khiếu nại nhưng không được khởi kiện ra Tòa án hành chính trong bất cứ thời điểm nào.

Điều 15. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại

1. Đối với quyết định kỷ luật sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ phục vụ có thời hạn trong CAND

a) Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ trưởng hoặc trực thuộc Tổng cục, Giám đốc Công an cấp tỉnh và tương đương giải quyết khiếu nại đối với quyết định của mình về việc kỷ luật sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ phục vụ có thời hạn thuộc quyền quản lý trực tiếp;

b) Tổng cục trưởng giải quyết:

- Khiếu nại đối với quyết định của mình về việc kỷ luật sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ phục vụ có thời hạn thuộc quyền quản lý trực tiếp;

- Khiếu nại mà Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Tổng cục đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại trong trường hợp này là quyết định có hiệu lực thi hành.

c) Bộ trưởng giải quyết:

- Khiếu nại đối với quyết định của mình về việc kỷ luật sỹ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp;

- Khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại mà Tổng cục trưởng, Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ trưởng, Giám đốc Công an cấp tỉnh và tương đương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại.

2. Đối với quyết định kỷ luật học viên

a) Giám đốc Học viện, Hiệu trưởng trường Đại học CAND giải quyết khiếu nại đối với quyết định của mình về việc kỷ luật học viên;

b) Bộ trưởng giải quyết khiếu nại mà Giám đốc Học viện, Hiệu trưởng trường Đại học CAND đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại trong trường hợp này là quyết định có hiệu lực thi hành;

c) Hiệu trưởng các Trường Trung cấp CAND, Trường Văn hóa, Trường Bồi dưỡng nghiệp vụ giải quyết khiếu nại đối với quyết định của mình về việc kỷ luật học viên;

d) Tổng cục trưởng Tổng cục Xây dựng lực lượng CAND giải quyết khiếu nại mà Hiệu trưởng các Trường Trung cấp CAND, Trường Văn hóa, Trường Bồi dưỡng

nghiệp vụ đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại trong trường hợp này là quyết định có hiệu lực thi hành.

Tổng cục Xây dựng lực lượng CAND xác minh, kết luận, kiến nghị giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng (trừ khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật lần đầu của Bộ trưởng, nếu bị khiếu nại thì Thanh tra Bộ sẽ giúp Bộ trưởng xem xét lại theo quy định tại Điều 3 Luật Khiếu nại, tố cáo). Quyết định giải quyết khiếu nại trong trường hợp này là quyết định có hiệu lực thi hành.

3. Đối với quyết định kỷ luật công nhân viên Công an

a) Thủ trưởng cơ quan Công an giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định kỷ luật công nhân viên Công an do mình đã ra quyết định;

b) Trong trường hợp còn khiếu nại tiếp, thì Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của Thủ trưởng đã giải quyết khiếu nại lần đầu giải quyết. Quyết định giải quyết khiếu nại trong trường hợp này là quyết định có hiệu lực thi hành.

Điều 16. Thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Việc khiếu nại phải thực hiện bằng đơn do người khiếu nại trực tiếp ký, kèm theo đơn phải có bản sao quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại bị khiếu nại. Trường hợp khiếu nại thông qua người đại diện hoặc Luật sư thì phải nêu rõ lý do trong đơn và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đơn khiếu nại, nếu thuộc thẩm quyền và đủ điều kiện thụ lý thì Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải ra văn bản thụ lý vụ việc để tiến hành xác minh, kết luận nội dung khiếu nại. Việc thụ lý đơn khiếu nại và giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc lần thứ hai không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý. Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý.

Điều 17. Thời hiệu khiếu nại, thời hiệu khiếu nại tiếp theo và khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án

1. Thời hiệu khiếu nại là 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định kỷ luật. Trường hợp người khiếu nại có trở ngại khách quan do ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại nhưng phải có xác nhận của Ủy ban

nhân dân xã, phường, cơ sở y tế hay Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi người khiếu nại cư trú hoặc công tác.

2. Thời hiệu khiếu nại tiếp theo khi người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định.

3. Công nhân viên Công an khiếu nại quyết định kỷ luật buộc thôi việc, sau khi khiếu nại mà người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu vẫn giữ nguyên hình thức kỷ luật đó thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết tiếp theo hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP.

Chương IV
TỐ CÁO, GIẢI QUYẾT TỐ CÁO KHÔNG THUỘC LĨNH VỰC TỐ TỤNG HÌNH SỰ

Điều 18. Thẩm quyền giải quyết tố cáo

1. Trưởng Công an cấp huyện giải quyết tố cáo đối với Trưởng, Phó trưởng Công an cấp phường và cán bộ, chiến sỹ thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình kể cả cán bộ, chiến sỹ thuộc Công an cấp phường.

2. Trưởng phòng và Thủ trưởng đơn vị cấp tương đương thuộc Công an cấp tỉnh giải quyết tố cáo đối với cán bộ, chiến sỹ thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình.

3. Giám đốc Công an cấp tỉnh và tương đương giải quyết tố cáo đối với Thủ trưởng, Phó thủ trưởng đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh (kể cả Trưởng, Phó trưởng Công an cấp huyện).

4. Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Tổng cục giải quyết tố cáo đối với cán bộ, chiến sỹ không giữ chức vụ thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình.

5. Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ trưởng giải quyết tố cáo đối với cán bộ, chiến sỹ từ Trưởng phòng trở xuống thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình.

6. Tổng cục trưởng giải quyết tố cáo đối với Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và cán bộ giữ chức vụ tương đương cấp phòng tại Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc Tổng cục.

7. Bộ trưởng giải quyết tố cáo đối với Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cấp Tổng cục, Vụ, Cục trực thuộc Bộ trưởng hoặc trực thuộc Tổng cục; Giám đốc, Phó giám đốc Công an cấp tỉnh và tương đương hoặc chuyên viên cao cấp do Bộ trưởng trực tiếp quản lý (nếu có).

Điều 19. Thủ tục tố cáo và giải quyết tố cáo

1. Người tố cáo phải viết đơn ghi rõ họ tên địa chỉ hoặc đến cơ quan có thẩm quyền để trực tiếp tố cáo, trường hợp này người tiếp nhận nội dung tố cáo phải ghi thành văn bản để người tố cáo ký hoặc điểm chỉ.

Đối với đơn tố cáo đã được cấp có thẩm quyền giải quyết, nay tố cáo lại nhưng không có bằng chứng mới thì không xem xét, giải quyết theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 38 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).

2. Thời hạn giải quyết tố cáo không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết không quá 90 ngày.

3. Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thông báo kết quả giải quyết đến người tố cáo nếu họ có yêu cầu; áp dụng kịp thời các biện pháp bảo vệ người tố cáo và ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra và xử lý người vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Người tố cáo nếu có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo không được giải quyết thì có quyền tố cáo với cơ quan cấp trên trực tiếp của người giải quyết tố cáo theo quy định tại Điều 69 Luật Khiếu nại, tố cáo. Cơ quan tiếp nhận loại tố cáo này cần chú ý, tránh coi đây là việc khiếu nại, không giải quyết theo thủ tục khiếu nại mà Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người giải quyết tố cáo phải giao cho cơ quan Thanh tra cùng cấp xác minh, kết luận việc chấp hành pháp luật về giải quyết vụ việc tố cáo đó.

5. Người bị tố cáo có quyền khiếu nại (theo Điều 53 Luật Thanh tra) đối với quyết định hoặc hành vi của Trưởng đoàn, thành viên Đoàn xác minh khi thực hiện nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo nếu có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật; khiếu nại đối với Thủ trưởng cơ quan Thanh tra hoặc Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố cáo về kết luận hoặc quyết định xử lý tố cáo khi có căn cứ cho rằng kết luận, quyết định đó là trái pháp luật.

Việc khiếu nại, giải quyết khiếu nại trong trường hợp này thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục khiếu nại, giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, người khiếu nại vẫn phải thực hiện các quyết định mà mình khiếu nại.

6. Việc xác minh, kết luận kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về Khiếu nại, tố cáo. Quyết định xử lý tố cáo chỉ ban hành khi người bị tố cáo có sai phạm, cần phải áp dụng hình thức kỷ luật hoặc các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp khác không ra quyết định xử lý tố cáo mà chỉ trả lời bằng công văn cho người tố cáo (khi họ yêu cầu), người bị tố cáo và cơ quan, cá nhân có trách nhiệm.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG VIỆC TIẾP NHẬN, XỬ LÝ VÀ GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 20. Trách nhiệm của Thủ trưởng Công an các cấp

Thủ trưởng Công an các cấp có trách nhiệm chỉ đạo công tác tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết và quản lý đơn khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 21. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra và cơ quan chức năng khác trong việc tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết và quản lý đơn khiếu nại, tố cáo

1. Thanh tra Công an các cấp có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, phân loại, xử lý, xác minh, kết luận, kiến nghị giải quyết đơn khiếu nại và kiến nghị biện pháp xử lý nội dung tố cáo thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng Công an cùng cấp theo đúng quy định của pháp luật về Khiếu nại, tố cáo và quy định của Thông tư này;

b) Thống nhất quản lý đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng Công an cùng cấp;

c) Đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết và quản lý đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng Công an cấp dưới;

d) Phát hiện và xác minh, kết luận về dấu hiệu vi phạm pháp luật của Thủ trưởng cấp dưới trực tiếp của Thủ trưởng cùng cấp trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự (trừ khiếu nại, tố cáo các vấn đề về tiêu chuẩn chính trị, về chế độ chính sách do Cơ quan xây dựng lực lượng xác minh, kết luận).

2. Cơ quan xây dựng lực lượng trong CAND có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo; xác minh, kết luận, kiến nghị giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật, khiếu nại quyết định về chế độ chính

sách (gọi chung là khiếu nại thuộc lĩnh vực công tác xây dựng lực lượng) thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng Công an cùng cấp;

b) Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, Ủy ban Kiểm tra cấp ủy Đảng cùng cấp xác minh, kết luận và thống nhất kiến nghị giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo vừa có nội dung thuộc lĩnh vực công tác chuyên môn, vừa có nội dung liên quan đến công tác xây dựng lực lượng trong CAND;

c) Đôn đốc việc xác minh, kết luận giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực xây dựng lực lượng của Thủ trưởng Công an cấp dưới.

3. Văn phòng Bộ Công an, Văn phòng Công an cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, phân loại và chuyển cho Cơ quan Thanh tra cùng cấp xử lý đơn khiếu nại, tố cáo từ các nguồn chuyển đến;

b) Tiếp nhận, phân loại, xử lý, quản lý và kiến nghị Thủ trưởng Công an có thẩm quyền giải quyết các khiếu nại, tố cáo phản ảnh trên công luận và thông tin đại chúng; thông báo việc xử lý khiếu nại, tố cáo và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trên cho Cơ quan Thanh tra, Cơ quan xây dựng lực lượng cùng cấp để thống nhất quản lý về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và phục vụ công tác quản lý cán bộ;

4. Cơ quan Điều tra các cấp trong CAND có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết và quản lý khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự và tố giác tội phạm, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố do cơ quan nhà nước chuyển đến và trả lời người khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; đồng thời thông báo kết quả giải quyết cho Cơ quan Thanh tra cùng cấp để giúp Thủ trưởng cùng cấp theo dõi kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự và thông báo cho cơ quan đã chuyển đơn biết theo quy định tại Điều 71 Luật Khiếu nại, tố cáo;

5. Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo cần căn cứ vào nội dung, tính chất, phạm vi liên quan của vụ việc khiếu nại, tố cáo để ra quyết định thành lập Đoàn xác minh hoặc Tổ xác minh tiến hành xác minh, kết luận nội dung khiếu nại, nội dung tố cáo;

Chánh Thanh tra, Thủ trưởng cơ quan chức năng khác thuộc Công an các cấp khi được Thủ trưởng có thẩm quyền giải quyết tố cáo giao xác minh nội dung tố cáo phải ra quyết định thành lập Đoàn xác minh hoặc Tổ xác minh để tiến hành xác minh, kết luận và kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo.

Chương VI

XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN LIÊN QUAN ĐẾN THẨM QUYỀN CỦA NHIỀU CƠ QUAN VÀ ĐƠN CÓ NHIỀU NỘI DUNG KHÁC NHAU

Điều 22. Đơn tố cáo có liên quan đến thẩm quyền của nhiều cơ quan, đơn vị Công an

Tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự nhưng có liên quan đến thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan, đơn vị Công an, nếu thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng thì Bộ trưởng quyết định cơ quan có thẩm quyền giải quyết; nếu thuộc quyền quản lý của Giám đốc Công an cấp tỉnh thì Giám đốc quyết định cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Điều 23. Đơn khiếu nại, tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự nhưng có nhiều nội dung khác nhau thì Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền giải quyết căn cứ từng trường hợp cụ thể xử lý như sau:

1. Nếu nội dung khiếu nại là chủ yếu thì giải quyết theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại nhưng vẫn phải kết luận về nội dung tố cáo;

2. Nếu nội dung tố cáo là chủ yếu thì giải quyết theo trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo nhưng vẫn phải kết luận về nội dung khiếu nại;

3. Trong trường hợp không xác định được nội dung nào là chủ yếu hoặc nội dung khiếu nại, tố cáo không liên quan đến nhau thì tách riêng nội dung khiếu nại, nội dung tố cáo để giải quyết; giải quyết nội dung khiếu nại theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại; giải quyết nội dung tố cáo theo trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo;

4. Khiếu nại liên quan đến một số hoạt động thuộc lĩnh vực chuyên ngành (báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản, bản quyền...) mà đã có văn bản pháp luật quy định việc khiếu nại, giải quyết khiếu nại thì giải quyết theo quy định tại các văn bản pháp luật đó.

Điều 24. Đơn có nhiều nội dung và thẩm quyền giải quyết khác nhau

Đơn vừa có nội dung khiếu nại, vừa có nội dung tố cáo, vừa thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự, vừa không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự thì tách riêng nội dung khiếu nại, nội dung tố cáo thuộc hai lĩnh vực đó để giải quyết theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Chương VII
QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 25. Quản lý công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý của mình. Nội dung quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định tại Điều 80, 82 của Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Thủ trưởng Công an các cấp chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cấp trên trực tiếp về việc quản lý công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân trong phạm vi quản lý của mình.

3. Thanh tra Bộ giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự trong toàn lực lượng Công an nhân dân; giúp Bộ trưởng theo dõi kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự ở Bộ Công an.

4. Thanh tra Công an cấp tỉnh, Thanh tra Công an cấp huyện, Thanh tra các Tổng cục, Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc Bộ trưởng giúp Thủ trưởng cùng cấp thống nhất quản lý nhà nước công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự ở đơn vị, địa phương thuộc quyền quản lý của Thủ trưởng; giúp thủ trưởng cùng cấp theo dõi kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự ở đơn vị, địa phương mình. Hàng tháng, sáu tháng, một năm có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cùng cấp báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo lên Thủ trưởng cấp trên trực tiếp (qua tổ chức Thanh tra).

5. Các Cơ quan điều tra, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong Công an nhân dân chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự ở đơn vị, địa phương mình. Hàng tháng, sáu tháng, một năm phải báo cáo kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo cho Thủ trưởng cùng cấp (qua tổ chức Thanh tra).

6. Đơn khiếu nại, tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự ở các đơn vị, địa phương phải được tập trung vào một đầu mối là tổ chức Thanh tra Công an cùng cấp để thống nhất việc quản lý theo quy định tại Thông tư này.

Điều 26. Định kỳ báo cáo

1. Báo cáo định kỳ hàng tháng về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo của các đơn vị trực thuộc Tổng cục, Bộ Tư lệnh, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ

quan An ninh điều tra Bộ Công an, Công an cấp tỉnh và tương đương báo cáo cho Thủ trưởng cấp trên trực tiếp (gửi qua Cơ quan Thanh tra cùng cấp) vào ngày 15 hàng tháng;

2. Báo cáo định kỳ hàng tháng về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo của Tổng cục, Bộ Tư lệnh, Văn phòng Bộ, Công an cấp tỉnh và tương đương, Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an, các đơn vị trực thuộc Bộ báo cáo Bộ trưởng (gửi qua Thanh tra Bộ) vào ngày 20 hàng tháng, báo cáo sáu tháng vào ngày 25 của tháng cuối.

3. Báo cáo đột xuất phải gửi kịp thời theo yêu cầu, không kể thời gian.

Chương VIII
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Khen thưởng

1. Thủ trưởng cơ quan, cá nhân có thẩm quyền và những cán bộ được giao nhiệm vụ xác minh, thẩm tra, kết luận nội dung khiếu nại, nội dung tố cáo có thành tích trong việc giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo của CAND nếu có thành tích giúp đỡ lực lượng CAND giải quyết tốt các khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Xử lý vi phạm pháp luật khiếu nại, tố cáo

1. Cán bộ, chiến sỹ Công an có hành vi vi phạm quy định tại các Điều 96, 98, 99, 100 của Luật Khiếu nại, tố cáo hoặc quy định khác của pháp luật về khiếu nại, tố cáo thì tùy tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả tác hại sẽ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật hiện hành trong CAND. Nếu có dấu hiệu tội phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật về hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Công dân có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo nhưng nếu lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vi phạm pháp luật hoặc vì động cơ cá nhân mà cố tình tố cáo sai sự thật thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 08/2007/TT-BCA(V24) ngày 24 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn giải quyết khiếu nại, tố cáo trong CAND.

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng cơ quan Công an các cấp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. Thanh tra Công an các cấp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện trong phạm vi đơn vị, địa phương mình.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Thanh tra Bộ) để hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lê Hồng Anh